TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/ST-HNGĐ
Ngày: 05/6/2018
V/v: Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Nam Hà.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Văn Phước.
2. Ông Võ Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thực – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2018, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Phan Tấn C**, sinh năm: 1973.
Địa chỉ: Số 007 lô D, Chung cư A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm: 1976.
Địa chỉ: Số 3.2 lô A, Chung cư A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn ông Phan Tấn C có mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Phan Tấn C trình bày:

Ông C và bà Nguyễn Thị Bích T chung sống với nhau từ năm 2000, không đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, cả hai không tìm được nói tiếng chung, ông C và bà T đã nhiều lần có các biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được vì mâu thuẫn đã quá trầm trọng, ông C và bà

T đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay ông C không còn tình cảm gì với bà T, do đó ông C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà T.

Trong quá trình chung sống ông C với bà T có 02 con chung tên là Nguyễn Phan Minh T, sinh ngày: 09/11/2001 và Phan Nguyễn Minh T ; sinh ngày: 02/02/2004. Ông C và bà T cùng thống nhất giao con chung cho bà T nuôi, ông C không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C xác định không có tài sản chung và nợ chung, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Bà T xác nhận lời trình bày của ông C về thời điểm chung sống, quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng và con chung. Cuối năm 2016, giữa ông bà có nhiều vấn đề mâu thuẫn về tiền bạc, tình cảm không giải quyết được do quan điểm khác nhau, ông C không chung T trong đời sống vợ chồng. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, cuộc sống gia đình mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà xác định hiện nay tình cảm của bà và ông C không còn vì vậy bà đồng ý với yêu cầu của ông C là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông C.

Trong quá trình chung sống bà T và ông C có 02 con chung tên là Nguyễn Phan Minh T, sinh ngày: 09/11/2001 và Phan Nguyễn Minh T; sinh ngày: 02/02/2004. Ông C và bà T cùng thống nhất giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông C không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông C cùng xác định không có tài sản chung và nợ chung, do đó không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T, 02 con chung giao cho bà T nuôi, ông C không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có. Bà T đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà T, giao 02 con chung Nguyễn Phan Minh T, sinh ngày: 09/11/2001 và Phan Nguyễn Minh T; sinh ngày: 02/02/2004 cho bà T nuôi, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, do đó không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Phan Tấn C khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị Bích T, ông C và bà T không đăng ký kết hôn, do đó quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích T cư trú tại: Số 3.2 lô A, Chung cư A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Đối với việc ông C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông C và bà T chung sống với nhau từ năm 2000, ông bà không đăng ký kết hôn, có tổ chức lễ cưới. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã phân tích và giải thích các quy định của pháp luật có liên quan đến việc nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn để ông C tự mình liên hệ đến quyền và lợi ích của mình, tuy nhiên ông C vẫn giữ yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T.

Ông C và bà T chung sống với nhau từ năm 2000, ông bà không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a Khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 thì quan hệ hôn nhân giữa ông C, bà T là quan hệ hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật bảo vệ, pháp luật không công nhận ông C, bà T là vợ chồng. Ông C yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T là phù hợp với các quy định của pháp luật và có cơ sở để chấp nhận.

Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời khai của các bên, căn cứ các giấy khai sinh thì có đủ cơ sở để xác định các trẻ Nguyễn Phan Minh T, sinh ngày: 09/11/2001 và Phan Nguyễn Minh T; sinh ngày: 02/02/2004 là con chung của ông C và bà T.

Ông C, bà T cùng thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho bà T nuôi, ông C không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận này của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, ghi nhận thỏa thuận của các đương sự, giao cả 02 con chung Nguyễn Phan Minh T, sinh ngày: 09/11/2001 và Phan Nguyễn Minh T; sinh ngày: 02/02/2004 cho bà T nuôi dưỡng. Ông C không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C và bà T cùng xác định không có tài sản chung và nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Nguyễn Tấn C phải chịu.

Về quyền kháng cáo: Ông Phan Tấn C, bà Nguyễn Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 và Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2015);
- Căn cứ điểm b Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Căn cứ điểm a Khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001.
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phan Tấn C:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Tấn C và bà Nguyễn Thị Bích T.

2. Về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con:

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao 02 con chung là Nguyễn Phan Minh T, sinh ngày: 09/11/2001 và Phan Nguyễn Minh T; sinh ngày: 02/02/2004 cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông C không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông C được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết một trong các bên hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phan Tấn C và bà Nguyễn Thị Bích T cùng xác định không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Phan Tấn C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0008979 do Chi cụ c Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 15/3/2018. Ông C đã nộp đủ tiền án phí, bà T không phải nộp tiền án phí.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

5. Về quyền kháng cáo:

Ông Phan Tấn C, bà Nguyễn Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đoàn Nam Hà